

Số: 16.16/QĐ - UBND

Đông Sơn, ngày 04 tháng 12 năm 2009

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500  
Khu đô thị mới Đông Sơn, thị trấn Nhồi, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;  
Căn cứ luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;  
Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số: 07/2008/TT-BXD ngày 07/04/2008 của Bộ xây dựng hướng dẫn thẩm định phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng.

Căn cứ Quyết định số: 343/QĐ-UBND ngày 31/01/2005 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v: Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Cầu Cao (đô thị Nhồi), huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Văn bản số 1813/UBND-CN ngày 29/04/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Cầu Cao, huyện Đông Sơn.

Căn cứ Văn bản số 2626/SXD-QH ngày 21/11/2008 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc hướng dẫn nội dung điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Đông Sơn, thị trấn Nhồi, huyện Đông Sơn.

Căn cứ Văn bản số 2326/SXD-QH ngày 30/09/2009 của Sở Xây dựng về việc thỏa thuận điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Cầu Cao, huyện Đông Sơn.

Căn cứ Văn bản số 2457/SXD-QH ngày 15/10/2009 của Sở Xây dựng về việc trả lời về điều chỉnh nhà chung cư cao tầng CC2, CC3 thành nhà thấp tầng tại dự án Khu đô thị mới Đông Sơn, huyện Đông Sơn.

Căn cứ Văn bản số 5930/UBND-CN ngày 11/11/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 khu đô thị mới Đông Sơn, huyện Đông Sơn.

Xét Báo cáo số: 105/BC-UBND ngày 28/10/2009 của UBND huyện Đông Sơn về công tác điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Đông Sơn, thị trấn Nhồi, huyện Đông Sơn.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều I:** Phê duyệt điều chỉnh QHCT xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu đô thị mới Đông Sơn, thị trấn Nhồi, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa với nội dung và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu như sau:

**1. Đổi tên Dự án Khu đô thị mới Cầu Cao (đô thị Nhồi), huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa thành Dự án Khu đô thị mới Đông Sơn, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.**

**2. Mục tiêu nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng:**

Nghiên cứu điều chỉnh lại một số nội dung trong Quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt tại Quyết định số: 343/QĐ-UB ngày 31/01/2005 cho phù hợp với yêu cầu tại Văn bản số: 1813/UBND-CN ngày 29/04/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Điều chỉnh lại một số lô đất dọc Quốc lộ 45, trên cơ sở giữ nguyên một số hộ dân cư hiện có và Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng Hoàng Long đang sử dụng, tổ chức lại không gian kiến trúc và sử dụng đất.

- Điều chỉnh lại một số quỹ đất khu trung tâm đơn vị ở và đất công cộng để bổ sung quỹ đất bị thiếu hụt do điều chỉnh Quy hoạch cho Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị — Bộ Xây dựng, là đơn vị trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

- Điều chỉnh lại đất nhà chung cư cao tầng CC2 và CC3 thành nhà ở thấp tầng (Nhà liên kế, biệt thự) để đảm bảo an toàn, an ninh lưới điện 110KV và Trại tạm giam.

- Điều chỉnh tuyến đường giáp khu đất của Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng Hoàng Long, tuyến đường nội bộ từ Quốc lộ 45 đến ven Sông nhà Lê và một số tuyến đường nội bộ trong khu đô thị.

- Điều chỉnh hạ tầng kỹ thuật khu vực giáp kênh Bắc để đảm bảo đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu đô thị với tuyến đường Nguyễn Trãi, thành phố Thanh Hóa.

- Điều chỉnh lô đất thấp tầng LK24 thành lô đất thấp tầng BT15 để đảm bảo mỹ quan và nâng cao tính hấp dẫn của dự án khi đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu đô thị với tuyến đường Nguyễn Trãi, thành phố Thanh Hóa.

**3. Phạm vi ranh giới và diện tích điều chỉnh.**

**- Khu A:**

(Khu dọc Quốc lộ 47 được xác định bởi các mốc giới từ A1-A8, Diện tích: 83.290m<sup>2</sup>).

+ Đất dân cư hiện trạng cải tạo:	11.109 m <sup>2</sup> .
+ Đất dân cư nhà liên kế:	21.328,42 m <sup>2</sup> .
+ Đất cây xanh, hành lang tuyến điện:	721 m <sup>2</sup> .
+ Đất cơ quan, doanh nghiệp hiện có:	9.179 m <sup>2</sup> .
+ Đất dự phòng phát triển:	9.154 m <sup>2</sup> .
+ Đất giao thông:	31.798,58 m <sup>2</sup> .

**- Khu B:**

(Khu trung tâm được xác định bởi các mốc giới từ B1-B4 tổng diện tích khu: 62.776 m<sup>2</sup>).

+ Đất dân cư nhà liên kế:	5.815 m <sup>2</sup> .
+ Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở:	21.378 m <sup>2</sup> .
<i>(Trụ sở UBND, Công An, Công trình văn hóa, Thể thao, DVTM)</i>	
+ Đất cây xanh, hành lang tuyến điện:	5.358 m <sup>2</sup> .
+ Đất giao thông:	30.225 m <sup>2</sup> .

**- Khu C:**

(Khu nhà chung cư cao tầng được xác định bởi các mốc giới từ C1-C4 tổng diện tích: 97.414 m<sup>2</sup>).

+ Đất dân cư nhà liên kế: 22.409,13 m<sup>2</sup>.

+ Đất biệt thự song lập: 27.087,6 m<sup>2</sup>.

+ Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở: 6.943 m<sup>2</sup>.

**4. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu sau khi điều chỉnh.**

BẢNG TỔNG HỢP CÂN ĐỐI SỬ DỤNG ĐẤT ĐẠI										
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT: 783.508,0 M <sup>2</sup>										
TT	TÊN LÔ ĐẤT	KÝ HIỆU	MẬT ĐỘ XD (%)	HỆ SỐ SDD (M <sup>2</sup> )	DT THEO QH ĐƯỢC DUYỆT (M <sup>2</sup> )	TỶ LỆ (%)	DT (ĐIỀU CHỈNH) (M <sup>2</sup> )	TỶ LỆ (%)	DT THAY ĐỔI (M <sup>2</sup> )	GHI CHÚ
I	Đất ở				259833	33.12	250310.5	32.74	-9523	Giảm
I.1	Đất dân c hiện trạng cải tạo				12178		17167		4989	Tăng
1	Dân cư HT cải tạo 01	DC-HT01	60	2.4	0		1510		1510	
2	Dân cư HT cải tạo 02	DC-HT02	60	2.4	0		2002		2002	
3	Dân cư HT cải tạo 03	DC-HT03	60	2.4	6120		5355		-765	
4	Dân cư HT cải tạo 04	DC-HT04	60	2.4	0		2242		2242	
5	Dân cư HT cải tạo 05	DC-HT05	30	0.3	6058		6058		0	
I.2	Đất dân c nhà liên kế				135747		136717		970	Tăng
1	Đất dân cư nhà liên kế 01	DC-LK01	60	2.4	4361		3816		-545	
2	Đất dân cư nhà liên kế 02	DC-LK 02	60	2.4	5168		4807		-361	
3	Đất dân cư nhà liên kế 03	DC-LK03	60	2.4	4750		4750		0	
4	Đất dân cư nhà liên kế 04	DC-LK04	60	2.4	6094		6094		0	
5	Đất dân cư nhà liên kế 05	DC-LK05	60	2.4	3330		1574		-1756	
6	Đất dân cư nhà liên kế 05-1	DC-LK5-1	60	2.4	0		4174		4174	
7	Đất dân cư nhà liên kế 05-2	DC-LK5-2	60	2.4	0		1522		1522	
8	Đất dân cư nhà liên kế 06	DC-LK06	60	2.4	6292		6293		1	
9	Đất dân cư nhà liên kế 07	DC-LK07	60	2.4	14590		12019		-2571	Sai số
10	Đất dân cư nhà liên kế 08	DC-LK08	60	2.4	8222		8222		0	
11	Đất dân cư nhà liên kế 09	DC-LK09	60	2.4	7712		6201		-1511	
12	Đất dân cư nhà liên kế 10	DC-LK10	60	2.4	7122		7122		0	
13	Đất dân cư nhà liên kế 11	DC-LK11	60	2.4	5380		5380		0	
14	Đất dân cư nhà liên kế 12	DC-LK12	60	2.4	4471		0		-4471	
15	Đất dân cư nhà liên kế 13	DC-LK13	70	2.8	5269		5269		0	
16	Đất dân cư nhà liên kế 14	DC-LK14	70	2.8	3585		3585		0	
17	Đất dân cư nhà liên kế 15	DC-LK15	70	2.8	5853		5853		0	
18	Đất dân cư nhà liên kế 16	DC-LK16	70	2.8	5679		5679		0	
19	Đất dân cư nhà liên kế 17	DC-LK17	70	2.8	3573		3573		0	
20	Đất dân cư nhà liên kế 18	DC-LK18	70	2.8	5854		5854		0	
21	Đất dân cư nhà liên kế 19	DC-LK19	70	2.8	2432		5374		2942	
21	Đất dân cư nhà liên kế 19-1	DC-LK19-1	70	2.8	0		3015		3015	

22	Đất dân cư nhà liền kề 20	DC-LK20	70	2.8	5976		5976		0	
23	Đất dân cư nhà liền kề 21	DC-LK21	70	2.8	5799		5799		0	
24	Đất dân cư nhà liền kề 22	DC-LK22	70	2.8	2787		2975		188	
25	Đất dân cư nhà liền kề 23	DC-LK23	70	2.8	5976		5976		0	
26	Đất dân cư nhà liền kề 24	DC-LK24	60	2.4	5472		0		-5472	
27	Đất dân cư nhà liền kề 25	DC-LK25			0		5815		5815	
<b>I.3</b>	<b>Đất dân cư nhà vườn</b>				<b>90401</b>		<b>96426.5</b>		<b>6026</b>	<b>Tăng</b>
1	Đất dân cư nhà vườn 01	DC-BT01	35	0.875	13472		13473		1	
2	Đất dân cư nhà vườn 02	DC-BT02	35	0.875	4145		4145		0	
3	Đất dân cư nhà vườn 03	DC-BT03	35	0.875	4537		4537		0	
4	Đất dân cư nhà vườn 04	DC-BT04	35	0.875	5950		5950		0	
5	Đất dân cư nhà vườn 05	DC-BT05	35	0.875	5788		5788		0	
6	Đất dân cư nhà vườn 06	DC-BT06	35	0.875	4658		4658		0	
7	Đất dân cư nhà vườn 07	DC-BT07	35	0.875	5911		5911		0	
8	Đất dân cư nhà vườn 08	DC-BT08	35	0.875	9052		9052		0	
9	Đất dân cư nhà vườn 09	DC-BT09	35	0.875	9319		9318		-1	
10	Đất dân cư nhà vườn 10	DC-BT10	45	1.125	3255		4064		809	
11	Đất dân cư nhà vườn 11	DC-BT11	45	1.125	6577		6577		0	
12	Đất dân cư nhà vườn 12	DC-BT12	45	1.125	6439		6447.2		8	
13	Đất dân cư nhà vườn 13	DC-BT13	45	1.125	4879		4497		-382	
14	Đất dân cư nhà vườn 14	DC-BT14	45	1.125	6419		6506		87	
14	Đất dân cư nhà vườn 15	DC-BT15	45	1.125	0		5503.3		5503	
<b>I.4</b>	<b>Đất nhà cao tầng</b>				<b>21507</b>		<b>0</b>		<b>-21507</b>	<b>Giảm</b>
1	Đất nhà cao tầng 01	DC-CC01	30	3.9	8743		0		-8743	
2	Đất nhà cao tầng 02	DC-CC02	30	3.9	6382		0		-6382	
3	Đất nhà cao tầng 03	DC-CC03	30	3.9	6382		0		-6382	
<b>II</b>	<b>Đất công trình công cộng</b>				<b>178636</b>	<b>22.75</b>	<b>157393</b>	<b>19.85</b>	<b>-21243</b>	<b>Giảm</b>
<b>II.1</b>	<b>Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở</b>				<b>65917</b>		<b>48211</b>		<b>-17706</b>	<b>Giảm</b>
1	Đất công trình công sở, Đảng ủy, UBND	CC-UB	30	0.75	6833		3020		-3813	
2	Đất đồn Công an	CC-CA	30	0.75			1677		1677	
3	Đất công trình trung tâm thể thao	CC-TDĐT	20	0.5	22116		11888		-10228	
4	Đất công trình Văn hoá	CC-VH	30	0.75	5352		3600		-1752	
5	Đất trung tâm y tế	CC-YT	30	0.75	2992		1591		-1401	
6	Đất trung tâm thương mại, chợ	CC-C,ST	30	0.75	6420		6470		50	
7	Đất xây dựng công trình đầu mối	CC-DM	35	0.35	5788		3549		-2239	Sai số
8	Đất xây dựng trường học	CC-TH	30	0.75	16416		16416		0	
<b>II.2</b>	<b>Đất công trình công cộng cấp khu ở</b>				<b>23237</b>		<b>22816</b>		<b>-421</b>	
1	Đất công trình công cộng cấp khu ở 01	CC-TTK01	30	0.6	7191		7191		0	
2	Đất công trình công cộng cấp khu ở 02	CC-TTK02	30	0.6	8682		8682		0	
3	Đất công trình công cộng cấp khu ở 03	CC-TTK03	30	0.6	2474		2530		56	
4	Đất công trình công cộng cấp khu ở 04	CC-TTK04	30	0.6	2444		2010		-434	

5	Đất công trình công cộng cấp khu ở 05	CC-TTK05	30	0.6	2446		2403		-43	
<b>II.3</b>	<b>Đất cây xanh</b>				<b>89482</b>		<b>86366</b>		<b>-3116</b>	<b>Giảm</b>
1	Đất cây xanh 01	CC-CX01			6565		10090		3525	
2	Đất cây xanh 02	CC-CX02			3176		2417			
3	Đất cây xanh 03	CC-CX03			0		2941		2941	
4	Đất cây xanh 04	CC-CX04			3627		5306		1679	
5	Đất cây xanh 05	CC-CX05			2314		2314		0	
6	Đất cây xanh 06	CC-CX06			2924		2429		-495	
7	Đất cây xanh 07	CC-CX07			12923		2478		-10445	
8	Đất cây xanh 08	CC-CX08			1729		1735		6	
9	Đất cây xanh 09	CC-CX09			1729		1735		6	
10	Đất cây xanh 10	CC-CX10			1485		1911		426	
11	Cây xanh ven kênh Bắc, sông nhà Lê, cách ly đường sắt Bắc Nam				53010		53010		0	
<b>III</b>	<b>Đất cơ quan, doanh nghiệp hiện có</b>				<b>61256</b>	<b>7.82</b>	<b>70435</b>	<b>9.00</b>	<b>9179</b>	<b>Tăng</b>
1	Đất trại giam Cầu Cao				61256		61256		0	
2	Đất Công ty Hoàng Long				0		9179		9179	
<b>IV</b>	<b>Đất giao thông</b>				<b>255724</b>	<b>32.73</b>	<b>268156,50</b>	<b>34.50</b>	<b>12433</b>	<b>Tăng</b>
1	Đất giao thông đối ngoại				64169		64169		0	
2	Đất giao thông đô thị				191555		203987,5		-12433	
<b>V</b>	<b>Đất dự phòng phát triển</b>				<b>28059</b>	<b>3.58</b>	<b>37213</b>	<b>3.91</b>	<b>9154</b>	<b>Tăng</b>
	Đất dự phòng phát triển 01				28059		28059			
	Đất dự phòng phát triển 02				0		9154			

**BẢNG CÂN ĐỐI ĐẤT XD ĐÔ THỊ**

**(ĐẤT ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT & THUÊ ĐẤT XD TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ)**

TT	TÊN LÔ ĐẤT	DIỆN TÍCH (QĐ SỐ:343/QĐ-UB) (M <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH ĐIỀU CHỈNH (M <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH THAY ĐỔI (M <sup>2</sup> )	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>Đất đa vào đấu giá quyền sử dụng đất</b>	<b>238912</b>	<b>233143.5</b>	<b>-5769</b>	<b>Giảm</b>
I.2	Đất dân cư nhà liên kế	135747	136717	970	Giảm
I.3	Đất dân cư nhà biệt thự	90401	96426.5	6026	Tăng
I.4	Đất nhà chung cư	12764	0	-12764	Giảm
<b>II</b>	<b>Đất thuê xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ</b>	<b>6420</b>	<b>6470</b>	<b>50</b>	<b>Tăng</b>

**5. Quy hoạch điều chỉnh công trình hạ tầng kỹ thuật.**

**a. Quy hoạch điều chỉnh giao thông:**

- Điều chỉnh tuyến đường 1: từ vị trí Quy hoạch cũ xác định bởi ba điểm N1, N6, N18 điều chỉnh về vị trí tuyến đường đất hiện trạng xác định bởi ba điểm N1', N6', N18' để tránh việc giải phóng đền bù. Mặt cắt đường từ mặt cắt 5-5 (mặt đường 7,5m; hè 5mx2; CGĐĐ 17,5m) điều chỉnh thành mặt cắt 7-7 (mặt đường 7,5m; hè 2mx2; CGĐĐ 11,5m). Chiều dài từ 144,6m thành 148m.

- Điều chỉnh tuyến đường 4: Từ vị trí Quy hoạch cũ xác định bởi các điểm N4, N13, N27 về vị trí mới xác định bởi các điểm N77, N79, N80. Chiều dài từ 156,1m thành 130m.

- Tuyến đường 7 và 8 bị cắt ngắn do sự giao cắt với tuyến đường 4.
- Làm mới tuyến đường 33 là tuyến đường phát sinh nối từ Quốc lộ 45 đến tuyến 7. Mặt cắt ngang 5-5 (mặt đường 7,5m; hè 5mx2; CGĐĐ 17,5m). Chiều dài tuyến là 74m.
- Trong giới hạn khu B (khu trung tâm) làm mới 3 tuyến đường nội bộ:
  - Tuyến đường 34: Điểm đầu N81, điểm cuối N83. Mặt cắt ngang 5-5 (mặt đường 7,5m; hè 5mx2; CGĐĐ 17,5m). Chiều dài tuyến là 243m.
  - Tuyến đường 35: Điểm đầu N84, điểm cuối N85. Mặt cắt ngang 10-10 (mặt đường 5mx2; hè 5mx2; phân cách 5m; CGĐĐ 25m). Chiều dài tuyến là 142m.
  - Tuyến đường 36: Điểm đầu N69, điểm cuối N68'. Mặt cắt ngang 5-5 (mặt đường 7,5m; hè 5mx2; CGĐĐ 17,5m). Chiều dài tuyến là 129m.
- Ngoài ra, trong giới hạn khu B, hiện tại, có một tuyến đường đã lảng nhựa nối từ Quốc lộ 45 qua cầu Gạch (vượt sông nhà Lê) sang xóm Trung phục vụ đi lại của dân cư xóm Trung. Tuyến đường 8 trong khu đô thị mới Đông Sơn, theo quy hoạch đã phê duyệt, không nối thẳng với cầu Gạch mà lệch đi khoảng 20m nên ta cần tạo ra một ngã ba có nhánh nối thẳng với cầu Gạch đảm bảo giao thông cho dân cư qua cầu.

**THỐNG KÊ CÁC TUYẾN GIAO THÔNG ĐIỀU CHỈNH**

S T T	TÊN TUYẾN	PHƯƠNG ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT					PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG				
		ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM TRUNG GIAN	ĐIỂM CUỐI	CHIỀU DÀI	MẶT CÁT NGANG	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM TRUNG GIAN	ĐIỂM CUỐI	CHIỀU DÀI	MẶT CÁT NGANG
1	Tuyến 1	N1	N6	N18	144.6	5-5	N1'	N6'	N18'	148	7-7
2	Tuyến 4	N4	N13	N27	156.1	5-5	N77	N79	N80	130	5-5
3	Tuyến 7	N6	N7-N8- N9-N10- N11-N12	N13	680.5	5-5	N6'	N7-N8- N9-N10- N11-N12	N79	651'	5-5
4	Tuyến 8	N21	N22- N23- N24- N25- N26-N27	N28	597.6	5-5	N21	N22- N23- N24- N25- N26-N27	N80	437	5-5
5	Tuyến 33						N76	N77	N78	74	5-5
6	Tuyến 34						N81	N82	N83	243	5-5
7	Tuyến 35						N84	-	N85	142	10-10
8	Tuyến 36						N69	N70	N68'	129	5-5

**b. Quy hoạch điều chỉnh chuẩn bị kỹ thuật: san nền- thoát nước mưa:**

- Cơ bản tuân thủ đúng quy hoạch đã được phê duyệt về mạng lưới và cao độ.
- Căn cứ vào các tuyến đường điều chỉnh, bổ sung, mạng lưới thoát nước mưa cũng được điều chỉnh, bổ sung theo các tuyến đường đó.

**c. Quy hoạch điều chỉnh thoát nước thải:**

- Cơ bản tuân thủ đúng quy hoạch đã được phê duyệt về mạng lưới và cao độ.
- Căn cứ vào các tuyến đường điều chỉnh, bổ sung, đồng thời vào mục đích sử dụng khu đất, mạng lưới thoát nước thải cũng được điều chỉnh, bổ sung theo các tuyến đường đó.
- Bổ sung tuyến thoát nước thải phía sau khu dân cư hiện trạng không ảnh hưởng tới quỹ đất của dân cư hiện trạng mà nằm trong giới hạn điều chỉnh.

**d. Quy hoạch điều chỉnh cấp điện- cấp nước:**

- Cơ bản tuân thủ đúng quy hoạch đã được phê duyệt .
- Căn cứ vào các tuyến đường điều chỉnh, bổ sung, đồng thời vào mục đích sử dụng khu đất, mạng lưới cấp điện- cấp nước cũng được điều chỉnh, bổ sung theo các tuyến đường đó.

**e. Quy hoạch tổng hợp đường dây đường ống:**

- Căn cứ vào các tuyến đường điều chỉnh, bổ sung, vào các mặt bằng điều chỉnh quy hoạch khác: thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện- cấp nước, tổng hợp bố trí hợp lý các đường dây đường ống trên mặt bằng, mặt cắt các tuyến giao thông.
- Khoảng cách các đường ống tuân thủ đúng theo quy chuẩn, quy phạm.

**6. Các nội dung khác.**

Các nội dung khác thực hiện theo đúng Quy hoạch chi tiết xây dựng đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số: 343/QĐ-UB ngày 31/01/2005.

**Điều II:** Chủ tịch UBND thị trấn Nhồi, thủ trưởng các ban ngành liên quan có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo chủ Đầu tư xây dựng đúng qui hoạch. Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD) đơn vị chủ đầu tư căn cứ QHCT xây dựng (tỷ lệ 1/500) đã điều chỉnh tổ chức đầu tư qui hoạch khu đô thị mới Đông Sơn theo đúng đồ án qui hoạch đã được phê duyệt.

**Điều III:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các ông chánh văn phòng UBND huyện - Chủ tịch UBND thị trấn Nhồi, trưởng phòng Công thương, Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD, thủ trưởng các ngành các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2/QĐ(thực hiện);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: Xây Dựng, KH&ĐT, Tài Chính, TN&MT; (b/c)
- Lưu V/p UBND, UBND.

TM. UBND HUYỆN  
CHỦ TỊCH



